

Vai trò - vị trí của Cán bộ nữ với hoạt động nghiên cứu khoa học

*Th.S Nguyễn Thị Tuyết
Chuyên viên chính*

Ban Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà

Nội

Phụ nữ Việt Nam luôn giữ một vị trí quan trọng trong quá trình phát triển của đất nước. Hình ảnh người phụ nữ trong tâm thức xã hội Việt Nam và cả trong cảm quan của nhiều bạn bè quốc tế, đó là những con người giỏi việc nước, đảm việc nhà, nhân hậu, thuỷ chung và cũng không kém phần kiên cường, bất khuất trước bạo lực của kẻ thù xâm lược. Trong sự nghiệp đổi mới của nền kinh tế, xã hội của đất nước ngày nay, phụ nữ không những chỉ vươn lên tham gia vào nhiều mặt công việc của đời sống xã hội, họ không chỉ nắm giữ những công việc, trọng trách trong bộ máy chính trị của đất nước mà họ còn tham gia đóng góp rất tích cực vào quá trình phát triển kinh tế. Đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học các chị đã sát cánh cùng nam giới để tự khẳng định mình bằng những thành công của rất nhiều công trình nghiên cứu khoa học, trong đó có những công trình mang tính ứng dụng khoa học cao, đem lại nhiều nguồn lợi cho đất nước, và góp phần không nhỏ vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, làm cho “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. Và cũng chính vì vậy mà vị trí, và vai trò của người phụ nữ nói chung và vai trò của những nhà khoa học nữ ngày càng được nâng cao lên rất nhiều.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin nêu một số ý kiến về vai trò, vị trí của cán bộ khoa học nữ trong thời kỳ đổi mới vừa qua cũng như một vài giải pháp nâng cao vai trò, vị trí của họ với hoạt động nghiên cứu khoa học trong giai đoạn hiện nay cũng như trong quá trình đổi mới của đất nước.

Trong lịch sử thế giới đã xuất hiện những nhà khoa học nữ, nhưng các nhà bác học nữ hầu như không được nhắc tới. Mãi đến khoảng cuối thế kỷ thứ X, các ngành khoa học ở Châu Âu phát triển mạnh mẽ về số lượng, và do vậy các nhà khoa học nữ cũng tăng lên tương đối nhiều, một số người được đào tạo chính quy đã vào làm khoa học ở các trường đại học. Thời kỳ thịnh vượng của các nhà khoa học và nghệ thuật ở Châu Âu là thời kỳ Trung cổ hậu kỳ và thời kỳ Phục hưng, thì lúc đó các nhà Bác học nữ cũng xuất hiện nhiều hơn. Kể từ đó đến nay, phụ nữ làm công tác nghiên cứu khoa học có nhiều biến đổi lớn, tăng cả về số lượng và chất lượng. Sự phát triển xã hội toàn cầu đã chứng minh cho những đóng góp to lớn của các nhà khoa học nói chung và nữ khoa học nói riêng. Cùng với sự phát triển của nền khoa học trên thế giới, nền khoa học của nước ta cũng phát triển không ngừng. Thời đại người phụ nữ phải sống trong số kiếp “con ong, con kiến” dưới chế độ phong kiến, chịu ảnh hưởng của tư tưởng

Nho giáo không còn nữa. Trước cách mạng Tháng 8 năm 1945, phụ nữ Việt Nam chỉ có vai trò rất thấp kém trong xã hội, với tâm lý trọng nam, khinh nữ, người phụ nữ phải cam chịu số phận “đàn bà”, họ không được hưởng bất cứ một thứ giáo dục học đường nào, ngoại trừ giáo dục đạo đức. Qua 1000 năm dưới chế độ phong kiến có 1 nữ tiến sĩ; một trăm năm dưới chế độ thực dân cũng chỉ đào tạo được có một nữ tiến sĩ. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của các nhà sử học, trong suốt 10 thế kỷ xây dựng quốc gia phong kiến, các vương triều kế tiếp nhau đã đào tạo được 2871 Tiến sĩ là nam giới. Thời kỳ này phụ nữ không có chỗ đứng trong giáo dục học đường, giáo dục đại học cũng như trong các kỳ thi tiến sĩ, chỉ có duy nhất trường hợp của bà Nguyễn Thị Duệ ở thế kỷ XVI đã cải trang là nam để đi thi tiến sĩ và đã đỗ thủ khoa.

Ngoài trường hợp duy nhất là Tiến sĩ Hoàng Thị Nga, dưới thời pháp thuộc, 97% phụ nữ Việt Nam là mù chữ và không có trường hợp nào đạt trình độ trên đại học. Đến năm 1945, khi đất nước giành được độc lập, Nhà Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhìn thấy ở phụ nữ Việt Nam những tiềm năng và tiềm lực ẩn chứa. Người có quan điểm dành sự quan tâm đến giáo dục và phát triển phụ nữ. Nữ giới bắt đầu được đến trường đi học văn hoá. Cũng từ đó công trường đại học đã mở rộng cửa đón nhận những con cháu của Bà Trưng, Bà Triệu.

Cùng với sự phát triển của đất nước, người phụ nữ dần dần được giải phóng, được học hành, được tham gia hoạt động xã hội nhiều hơn và đặc biệt đã không ít phụ nữ thành công trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Đào tạo và phát triển khả năng của đội ngũ khoa học nữ đã có những kết quả khá ấn tượng. Kết quả điều tra dân số năm 1989 cho thấy, trong tổng số 776.775 nhà khoa học có 290.130 nhà khoa học nữ, chiếm tỷ lệ 37,3%. Đó là một con số đáng tự hào và có thể nói đó là một kỳ tích của Cách mạng Việt Nam trên con đường phát triển cách mạng của dân tộc mình. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đội ngũ các nhà khoa học nữ đã không ngừng trưởng thành nhanh chóng cả về mặt số lượng cũng như chất lượng; đã góp phần quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”. Theo số liệu của Trung tâm thông tin quản lý giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong những năm gần đây số lượng nữ cán bộ có trình độ chuyên môn và học hàm học vị đã tăng lên đáng kể qua hai biểu sau:

Biểu 1: Nữ giảng viên phân theo trình độ chuyên môn

Học vị	Năm học 2000-2001		Năm học 1996-1997
	Số nữ	Tỷ lệ %	Tỷ lệ % nữ
Tiến sĩ khoa học và tiến sĩ	582	17,55	9,63
Thạc sĩ	2.692	39,1	23,35
Chuyên khoa cấp I và cấp II	250	38,76	33,13

Biểu 2: Nữ giảng viên theo chức danh

Chức danh	Năm học 2000-2001		Năm học 1996-1997
	Số nữ	Tỷ lệ %	Tỷ lệ % nữ
Giáo sư	8	3,23	2,43
Phó giáo sư	80	8,58	5,79
Giảng viên chính	1.102	24,47	15,99

Đội ngũ các nhà khoa học nữ cũng đã đạt được những kết quả hoạt động đáng tự hào. Nhiều người trong số này đã làm tốt cương vị quản lý khoa học ở nhiều trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu. Đặc biệt sự thành công trong khoa học của chị em phụ nữ được đánh giá qua giải thưởng Kovaleskaia giành cho phụ nữ làm khoa học ở các nước đang phát triển. Tính đến cuối năm 2001, ở nước ta đã có 24 cá nhân nữ và 8 tập thể các nhà khoa học nữ xuất sắc được nhận giải thưởng đặc biệt này. Điều này đã khẳng định rằng phụ nữ làm khoa học ngày càng phấn đấu vượt lên thành một đội ngũ nhà khoa học lớn, mạnh mẽ cả về số lượng cũng như về chất lượng.

Những số liệu thống kê nói trên cho thấy phụ nữ ngày càng đóng một vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước nói chung, trong hoạt động nghiên cứu khoa học nói riêng. Bằng những việc làm có hiệu quả họ đã chứng tỏ được vai trò của mình và khẳng định vị thế của người phụ nữ trong xã hội.

Với sự nỗ lực rất lớn của cả cộng đồng và chính bản thân người phụ nữ qua nhiều năm, cùng với sự hoạt động tích cực của các tổ chức xã hội vì sự bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, phụ nữ đã có vị thế đáng kể trong xã hội, đội ngũ các nhà khoa học nữ đã tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, trên tất cả các lĩnh vực khoa học cơ bản như Toán học, Vật lý, Cơ học, Tin học đến những ngành khoa học thực nghiệm, các ngành công nghệ đều có chị em nữ tham gia, trong đó có nhiều chị em đã là chủ trì các dự án hợp tác quốc tế, chủ nhiệm các đề tài cấp Nhà nước, chủ trì các công trình nghiên cứu lớn. Có thể nói người phụ nữ không những tham gia vào tất cả các lĩnh vực hoạt động của xã hội, mà trong mỗi lĩnh vực công tác, người phụ nữ đều tỏ ra là những người không thua kém đồng nghiệp là nam giới.

Tuy nhiên, với cán bộ khoa học nữ, ngoài sự nghiệp làm khoa học, họ còn phải lo toan cuộc sống gia đình trong điều kiện thiếu thốn, tâm lý coi thường phụ nữ đang còn tồn tại là những trở ngại và thách thức đối với sự phát triển của chị em. Mặc dù vậy họ vẫn có những bước tiến và thành công trong con đường làm khoa học của mình.

ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã tạo ra cho phụ nữ nói chung, phụ nữ tri thức và đặc biệt nữ tri thức đang công tác trong các trường đại học và cao

đẳng nhiều cơ hội mới, nhiều thuận lợi mới đó chính là các chủ trương, các hệ thống chính sách kinh tế, chính trị – xã hội nhằm tạo điều kiện cho chị em có cơ hội học tập, làm việc, tham gia vào các lĩnh vực hoạt động xã hội, phụ nữ có quyền bình đẳng như nam giới, họ cũng được tham gia vào nhiều lĩnh vực góp phần phát triển đất nước, không chỉ ở nhà phục vụ chồng con như xưa nữa. Hiện nay, các vai trò của giới đang trong giai đoạn chuyển tiếp. Các khuôn mẫu giới và các giá trị giới đang dần thay đổi, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nguyên tắc bình đẳng giới, khẳng định vai trò của phụ nữ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phụ nữ học tập, tham gia công tác xã hội đã dẫn đến sự lớn mạnh không ngừng về đội ngũ tri thức.

Ngày nay sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta đang diễn ra trong bối cảnh kinh tế tri thức ngày càng có vai trò nổi bật, tạo cho tri thức nữ có nhiều điều kiện để khẳng định mình. Với một tổ chức quần chúng vững mạnh như Hội liên hiệp phụ nữ với 11 triệu thành viên (UBQG vì Sự tiến bộ của phụ nữ 2000) Hội liên hiệp phụ nữ là đối tác rất quen thuộc đối với các tổ chức tài trợ có dự án về phụ nữ. Chính cơ hội này đã tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ và đặc biệt là nữ tri thức trong học tập, nghiên cứu, làm việc. Đảng và Nhà nước đã chú trọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, quan tâm đặc biệt đến đội ngũ tri thức và thực tế đã chứng minh rằng đội ngũ tri thức nữ hiện nay đã và đang tạo ra những sản phẩm khoa học, công nghệ là một loại hàng hoá đặc biệt góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước. Các công trình nghiên cứu khoa học lần lượt được ra đời, có những công trình mang tính ứng dụng rất cao đã góp phần vào việc xoá đói giảm nghèo ở nông thôn, cải tạo môi trường, đường xá . . . Đời sống xã hội ngày càng được nâng cao, đội ngũ cán bộ khoa học vì vậy mà ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Đi đôi với sự trưởng thành về số lượng và chất lượng đã góp phần củng cố địa vị của người nữ tri thức và họ ngày càng vững vàng trong hoạt động khoa học. Song điều quan trọng là họ đã thể hiện được tiềm năng nghiên cứu của người phụ nữ. Chất lượng nghiên cứu khoa học nói chung và của chị em làm công tác nghiên cứu khoa học nói riêng ngày càng được nâng cao và có uy tín. Bằng chứng của nó được khẳng định bằng nhiều giải thưởng cá nhân và giải thưởng tập thể nữ được đánh giá qua giải thưởng Kovalskaia giành cho phụ nữ làm khoa học xuất sắc nhất trong những năm qua. Nhiều chị có năng lực, bản lĩnh vừa làm việc, vừa học tập vươn lên trong cơ chế mới xứng đáng với cương vị được giao.

Với chính sách mở cửa để tiếp cận và hội nhập với thế giới của Đảng và Nhà nước ta, bên cạnh trình độ hiểu biết về khoa học công nghệ đòi hỏi người nữ cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học phải năng động sáng tạo, không ngừng học hỏi nắm bắt thông tin, đặc biệt là trình độ ngoại ngữ. Đây là một thử thách lớn đối với đội ngũ cán bộ khoa học nữ. ý thức được điều đó chị em đã không ngừng học tập đào tạo và tự đào tạo để nâng cao trình độ ngoại ngữ. Qua kết quả khảo sát, thật đáng mừng là hầu hết chị em đều sử dụng được tiếng nước

ngoài vào làm việc. Từ đó chúng ta thấy sự nỗ lực của chị em rất cao để khẳng định vai trò của mình trong hoạt động khoa học, hoạt động kinh tế, chính trị như nam giới.

Tóm lại, trong cơ chế quản lý mới, đội ngũ tri thức nói chung và cán bộ khoa học nói riêng đã phát huy mọi tiềm năng của mình để đáp ứng với nhu cầu của cuộc sống cũng như của thị trường. Sự nỗ lực này càng lớn hơn đối với cán bộ khoa học nữ bởi họ phải đồng thời thực hiện hai chức năng gia đình và xã hội. Xã hội Việt Nam đã trải qua hàng nghìn năm phong kiến, quan niệm “nam ngoại, nữ nội” đã làm cho không ít người trong đó có cả những người giữ cương vị lãnh đạo, quản lý cho rằng làm vợ, làm mẹ là thiên chức của người phụ nữ, phụ nữ là người phải gắn với gia đình nhiều hơn nam giới, vì vậy gần như cả xã hội quan niệm phụ nữ là những người làm nội trợ, nuôi dạy con cái, phục tùng chồng . . .lối hiểu như vậy là sự cản trở lớn phụ nữ phát triển các năng lực của mình trên nhiều lĩnh vực xã hội, họ không có nhiều thời gian để làm việc xã hội.

Khi nói về việc thực hiện các chức năng trong gia đình, số liệu điều tra xã hội học học cho thấy, ở nhóm gia đình tri thức, công việc nội trợ do người vợ thực hiện chiếm 42%, người chồng thực hiện là 5%, cả hai cùng thực hiện là 53%, về việc nuôi dạy con cái, người vợ thực hiện chiếm 42%, cả hai cùng thực hiện là 39% (*Trần Thị Vân anh, Lê Ngọc Hùng: Phụ nữ - Giới và phát triển, Nhà xuất bản Phụ nữ, Tr 231*). Căn cứ vào số liệu điều tra này chúng ta có thể thấy rằng công việc gia đình đã thu hút quá nhiều thời gian, sức lực cũng như trí tuệ của người phụ nữ nói chung và phụ nữ tri thức nói riêng. Thời gian để họ đầu tư cho học tập, nghiên cứu, và tham gia vào các công việc xã hội khác hầu như không còn. Và đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng lao động nữ tập trung trong lĩnh vực khoa học còn quá mỏng – càng cao, càng ít. Theo GS.TS Phạm Thị Trân Châu (*trả lời phỏng vấn Báo khoa học và Phát triển*), nguyên nhân khách quan của việc phụ nữ tham gia còn hạn chế vào công tác nghiên cứu khoa học là do đời sống còn thấp, điều này ảnh hưởng chung đến toàn xã hội, nhưng phụ nữ phải chịu ảnh hưởng nhiều hơn nam giới. Nhiều nhà khoa học nữ khác cũng cho rằng sự thành đạt của nữ thấp hơn của nam giới chủ yếu là do họ phải đảm nhận một gánh nặng lớn về gia đình.

Sự đan xen giữa quan niệm cũ và cách nhìn mới, cái tiến bộ và cái lạc hậu, những nhận thức mới và thói quen cũ về chức năng, vai trò của phụ nữ, để giải quyết hài hoà các chức năng gia đình và xã hội là một yêu cầu thực tế, một thách thức rất lớn đối với phụ nữ nói chung và những nữ tri thức nói riêng.

Một quan điểm mới về người phụ nữ hiện đại đã được Nghị quyết 04/NQ-TU của Bộ chính trị khẳng định “Phụ nữ vừa là người lao động, người công dân vừa là người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Khả năng, điều kiện lao động và trình độ văn hoá, vị trí xã hội, đời sống văn hoá và tinh thần của phụ nữ có ảnh hưởng sâu xa đến sự phát triển cấu thể hệ tương lai”. Song song với hoạt động nghiên cứu khoa học, là giữ gìn và củng cố gia đình, tổ ấm thân thương của mỗi chị em, họ phải thực hiện vai trò làm vợ, làm mẹ, làm con,

biết tạo mối quan hệ đa dạng trong gia đình mà các chị phải chèo lái, phải hy sinh. Song sẵn có kiến thức xã hội, với tấm lòng bao dung, độ lượng và sự dịu dàng của người phụ nữ, các chị đã khéo léo sắp xếp hài hoà các mối quan hệ giữa sự nghiệp và gia đình, vừa nâng cao chất lượng cuộc sống, và nuôi dạy con cái, giữ gìn hạnh phúc gia đình.

Trong những năm gần đây, phụ nữ Việt Nam nói chung, nữ cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học nói riêng đã từng bước khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong quản lý Nhà nước, trong hoạt động nghiên cứu khoa học và trong gia đình. Bằng những thành công trong con đường nghiên cứu khoa học của mình họ đã chứng minh vị trí, vai trò và tiềm năng phát triển của nữ cán bộ khoa học trong thời kỳ hiện đại. Để ngày càng có nhiều các nhà khoa học nữ hơn nữa đóng góp công sức của mình cho sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá của đất nước, chúng tôi muốn bàn đến các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công trong lĩnh vực này.

Theo kinh nghiệm của một số các nhà khoa học thành đạt, các nhân tố quyết định sự thành công trong công tác nghiên cứu khoa học bao gồm công tác lãnh đạo và các chính sách hỗ trợ nghiên cứu khoa học của các cấp lãnh đạo, đội ngũ cán bộ giảng dạy, các hoạt động hợp tác quốc tế, và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu khoa học như hệ thống thư viện, trang thiết bị máy móc phục vụ cho nghiên cứu. Tất cả những nhân tố này phải được thực hiện đồng bộ để đảm bảo thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh vào đội ngũ cán bộ giảng dạy, nhân tố “con người”, nhân tố tham gia trực tiếp vào công tác nghiên cứu khoa học. Để tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học, đối với chúng ta những nữ tri thức cần có được những đức tính sau:

Thứ nhất là phải có năng lực, nhiệt huyết với công việc, có lòng say mê nghiên cứu, nhiệt tình, ước muốn thành đạt với ý chí vươn lên. Bởi vì có những nghiên cứu thực hiện trong một thời gian dài với nhiều nỗ lực nhiều khi với cả mồ hôi và nước mắt nhưng không phải kết quả bao giờ cũng mỉm cười với tác giả. Nghiên cứu khoa học không phải là sự đùa giỡn, càng không thể là sự tranh thủ . . . Đó là cả một quá trình lao động vất vả, quá trình tích lũy kiến thức và trải nghiệm qua thời gian.

Tự vượt lên chính mình có thể coi là một yếu tố thứ hai kết sức cần thiết cho nữ tri thức làm công tác nghiên cứu khoa học. Bản thân phụ nữ phải lấy các chuẩn mực đã được đề ra làm mục tiêu phấn đấu cho mình trong từng giai đoạn, từng thời kỳ, từng công việc, từng bài báo, từng công trình khoa học, từng đề tài nghiên cứu . . . để từ đó thấy được cái đích mình cần phải tới. Trong mỗi chúng ta cũng đã có sẵn năng lực để thành công nếu biết sử dụng nó và đồng thời chúng ta cũng đang nắm trong tay cả màn mông của sự thất bại nếu không biết sử dụng năng lực của mình. Đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học thì điều này lại càng có ý nghĩa quan trọng. Vì thế, cần phải biết cách đạt tới tận cùng năng lực của mình.

Phải mạnh dạn, tự tin vào bản thân mình, dám đương đầu với những khó khăn, thách thức, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm trước những công việc mình làm cũng là một đức tính cần có của nữ cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học. Bởi con đường nghiên cứu khoa học thường “không bằng phẳng và nhiều chông gai” vì thế cần có lòng tự tin và bản lĩnh cứng rắn để có thể vượt qua mọi trở ngại và chông gai với các nhà khoa học nói chung và các nhà khoa học nữ nói riêng. Chẳng hạn, do đặc điểm về giới, chị em cần mạnh dạn, tự tin để vượt qua những rào cản định kiến của “phái mạnh” đối với “phái yếu” là nên “yếu” và để đương đầu với vô vàn những khó khăn và thách thức trong con đường nghiên cứu khoa học vinh quang nhưng cũng đầy gian khổ.

Thứ tư là phải không ngừng học hỏi, trau dồi, mở rộng và nâng cao kiến thức bởi kiến thức chính là “thực phẩm” để nuôi dưỡng trí tuệ, và đặc biệt hiện nay chúng ta đang sống và làm việc trong sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật hiện đại, nhân loại đã và đang ở vào thời đại của nền kinh tế tri thức, vì thế nó không chỉ là điều kiện thuận lợi cho chúng ta phấn đấu và phát triển mà đó cũng chính là thách thức rất lớn, đòi hỏi mỗi nữ tri thức cũng phải không ngừng nâng cao trình độ trí tuệ của mình lên một tầm cao mới, chất lượng tri thức cũng không chỉ dừng ở chỗ hiểu kiến thức và biết vận dụng nó, mà còn phải có năng lực tạo ra những tri thức mới, những phát hiện mới, những kỹ năng và kỹ xảo mới. . . Để có được điều này, không có cách nào khác là chúng ta phải nỗ lực hết mình, tận dụng mọi cơ hội để học tập, để cập nhật kiến thức, để trau dồi và mở rộng kiến thức mới. Trên cơ sở đó, mà rèn luyện, phát huy năng lực sáng tạo. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần phải biết dung hoà giữa thời gian dành cho sự nghiệp và thời gian giành cho gia đình, bởi sự nghiệp và gia đình có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Điều cuối cùng có thể đề cập đến đó là sự năng động, nhạy bén trong công việc cũng như khả năng hợp tác với đồng nghiệp. Năng động và nhạy bén không chỉ cần cho các nhà kinh doanh giỏi mà nó hoàn toàn cần có cho những người làm công tác khoa học trong đó có các nữ tri thức. Có năng động, nhạy bén trong công việc thì mới nắm bắt được những cái mới, phát hiện những vấn đề, những đòi hỏi bức xúc phải giải quyết để từ đó tập trung nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu đòi hỏi của xã hội về lý luận cũng như về thực tiễn. Ngày nay, hơn lúc nào hết do sự phát triển như vũ bão của các ngành khoa học hiện đại, các kiến thức và các phương tiện hiện đại phục vụ cho nghiên cứu ngày càng được ứng dụng nhiều vì thế khi tham gia thực hiện một công trình nghiên cứu, kiến thức trong chuyên ngành này có thể liên quan đến kiến thức của các chuyên ngành khác, hoặc có thể cần phải ứng dụng các kiến thức từ các chuyên ngành khác . . . thì việc có năng lực làm việc theo nhóm và khả năng cộng tác và phối hợp làm việc với các đồng nghiệp là vấn đề hết sức quan trọng. Chúng ta, nhờ đó mà có thể tiến cao hơn, xa hơn, nhanh hơn trong con đường nghiên cứu khoa học của mình.

Danh mục các tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Trần Thị Vân Anh, Lê Ngọc Hùng (2000), *“Phụ nữ, giới và phát triển”*, Nhà xuất bản phụ nữ.
2. Ban Khoa học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội (2001), *“Kế hoạch khoa học Công nghệ và môi trường năm 2002 của Đại học Quốc gia Hà Nội”*.
3. **Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2002), “Số liệu thống kê giáo dục năm học 200-2001”**.
4. Chỉ thị 37/CT-TW của Ban chấp hành Trung ương *“Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới”* (16/5/1994) .
5. Chỉ thị 15/GD-ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo *“Về việc đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ ngành giáo dục và đào tạo trong tình hình mới”* (19/9/1994).
6. **Lê Thị Chiêu (2001), “Giới và dự án phát triển”**, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *“Văn kiện hội nghị lần thứ II ban chấp hành TW khoá VIII”*, Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.
8. Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1946, 1959, 1980, 1992.
9. Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2000), *“Xã hội học về giới và phát triển”*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Nghị quyết 04/NQ-TW của Bộ Chính trị *“Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới”*, (12/7/1994).
11. Nguyễn Khánh Ngọc, Nguyễn Khánh Cẩm Châu, Ngô Hoàng Diệp và Hoàng Thanh Lê (nhóm tác giả dịch) (2001), *“Đưa vấn đề giới vào phát triển thông qua sự bình đẳng giới về quyền, nguồn lực và tiếng nói”*, Nhà Xuất bản Văn hoá- Thông tin.
12. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2004), *“Giải pháp nâng cao vai trò và năng lực của nữ công chức trường Đại học Kinh tế Quốc dân”*, Kỷ yếu hội thảo

Tài liệu tiếng nước ngoài

1. Berkowitz, Tamar (1974), *“Who and Where in Women Studies”*, New York.
2. Caroline O. N. Moser (1993), *“Gender Planning and Development Theory, Practice & Training”*, The USA and Canada.